Phần 1 — Đại cương & Nguyên nhân

Câu 1 **Câu 1. Viêm phổi là tình trạng nhiễm khuẩn của bộ phận nào?**

A. Chỉ phế quản lớn

B. Nhu mô phổi: phế nang, ống phế nang, tiểu phế quản tận cùng

C. Màng phổi

D. Đường thở trên

Câu 2 **Câu 2. Đặc trưng tổn thương giải phẫu trong viêm phổi là:**

A. Xơ hóa phổi

B. Khối đông đặc nhu mô phổi

C. Giãn phế quản

D. Thũng phế nang

Câu 3 **Câu 3. Nguyên nhân gây viêm phổi hay gặp nhất là:**

A. Virus

B. Nấm

C. Vi khuẩn

D. Ký sinh trùng

Câu 4 **Câu 4. Vi khuẩn gây viêm phổi phổ biến nhất là:**

A. Staphylococcus aureus

B. Streptococcus pneumoniae

C. Klebsiella pneumoniae

D. Hemophilus influenzae

Câu 5 **Câu 5. Trường hợp nào sau đây KHÔNG phải yếu tố thuận lợi gây viêm phổi?**

A. Hút thuốc lá

B. Tuổi cao, suy kiệt

C. Thể thao đều đặn

D. Nằm lâu, thở máy

Câu 6 **Câu 6. Triệu chứng toàn thân điển hình của viêm phổi bao gồm:**

A. Sốt cao, mệt mỏi, chán ăn, môi khô

B. Chỉ ho khan không sốt

C. Sốt thấp kéo dài không rõ nguyên nhân

D. Đau khớp, ban đỏ da

Câu 7 **Câu 7. Đờm điển hình ở viêm phổi là:**

A. Đờm trong, trắng

B. Đờm mủ màu vàng, xanh, rỉ sắt

C. Đờm bọt hồng

D. Đờm giống nước rửa thịt

Câu 8 **Câu 8. Hội chứng đông đặc phổi khi khám thực thể thể hiện:**

A. Gõ trong, rung thanh giảm

B. Gõ đục, rung thanh tăng, rì rào phế nang giảm

C. Gõ thùng, rung thanh bình thường

D. Gõ đục di động, rung thanh giảm

Câu 9 **Câu 9. X-quang phổi ở viêm phổi thùy điển hình có hình ảnh:**

A. Đám mờ hình tam giác, đáy ra ngoài, đỉnh vào trong

B. Đám mờ hình vòng

C. Nốt mờ rải rác

D. Mờ kẽ hai phổi

Câu 10 **Câu 10. Xét nghiệm nào sau đây phù hợp với viêm phổi do vi khuẩn?**

A. Bạch cầu giảm, CRP bình thường

B. Bạch cầu tăng, CRP tăng

C. Bạch cầu bình thường, CRP giảm

D. Tất cả đều sai

Câu 11 **Câu 11. Biến chứng nặng có thể gặp của viêm phổi là:**

A. Sốc nhiễm khuẩn

B. Xuất huyết tiêu hóa

C. Suy thận cấp

D. Viêm khớp thoái hóa

Câu 12 **Câu 12. Nguyên tắc điều trị chính của viêm phổi do vi khuẩn là:**

A. Chống dị ứng

B. Kháng sinh

C. Corticoid liều cao

D. Huyết thanh kháng độc tố

Câu 13 **Câu 13. Khi có sốc nhiễm khuẩn, biện pháp đúng là:**

A. Hạn chế truyền dịch

B. Bù dịch + thuốc vận mạch

C. Chỉ dùng thuốc hạ sốt

D. Thở oxy lưu lượng thấp

Câu 14 **Câu 14. Chẩn đoán điều dưỡng chính cho người bệnh viêm phổi (ho nhiều đờm, khó thở):**

A. Giảm lưu thông đường thở do tăng tiết đờm dãi

B. Đau do viêm màng tim

C. Mất ngủ do đau đầu

D. Suy dinh dưỡng do nôn ói

Câu 15 **Câu 15. Để làm loãng đờm, hướng dẫn người bệnh uống bao nhiêu nước mỗi ngày?**

A. 500 ml

B. 1–1,5 lít

C. 2–3 lít

D. Trên 4 lít

Câu 16 **Câu 16. Hướng dẫn ho có hiệu quả, tư thế đúng là:**

A. Nằm ngửa duỗi thẳng

B. Ngồi hơi cúi người về phía trước, gối hông gập

C. Đứng thẳng tay giơ cao

D. Nằm nghiêng đầu thấp

Câu 17 **Câu 17. Giáo dục sức khỏe sau khi ra viện, người bệnh cần tái khám kiểm tra X-quang sau:**

A. 1 tuần

B. 4 tuần

C. 3 tháng

D. 6 tháng

Câu 18 **Câu 18. Tác hại của hút thuốc lá đối với phổi bao gồm:**

A. Tăng tiết nhầy, hủy lông chuyển, ức chế đại thực bào

B. Chỉ ảnh hưởng đến tim

C. Giảm chức năng thận

D. Không ảnh hưởng đến phế quản

Câu 19 **Câu 19. Khi SpO_2 giảm dưới bao nhiêu cần theo dõi sát & hỗ trợ hô hấp?**

A. 95%

B. 92%

C. 90%

D. 88%

Câu 20 **Câu 20. Kết quả mong đợi sau điều trị & chăm sóc, ngoại trừ:**

A. Không còn khó thở, sinh tồn bình thường

B. Đờm trong, ít dần

C. Hình ảnh X-quang cải thiện

D. Không bao giờ mắc lại viêm phổi

Muốn tự tạo bài trắc nghiệm như thế này?

Quét QR hoặc truy cập: **baitracnghiem.app/tao-bai-trac-nghiem**

Luyện thêm cùng khóa học:

IELTS BREAKER: 89 bài từ vựng IELTS Speaking, học thử miễn phí, trọn bộ 199.000đ — diemdanh.app/khoa-hoc/ielts-breaker

Luyện nghe cơ bản (Basic level): 103 bài luyện nghe, học thử miễn phí, trọn bộ 99.000đ — diemdanh.app/khoa-hoc/luyen-nghe-basic-level-59

diemdanh.app